

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hữu Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.
2. Ông Lê Thanh Khánh.

*- Thư ký phiên tòa:* ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐ-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Đào Thị C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

**2. Bị đơn:** anh Mai Lưu Chí Đ, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng A; Địa chỉ: Tòa nhà B, Số XYZ, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội - Chi nhánh L; Địa chỉ: abc, phường P, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1968 và ông Cao Tấn Th, sinh năm 1988; Địa chỉ làm việc: abc, phường P, TP. TH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Ông Mai Tấn K, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Ph; Nơi cư trú: thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

- Chị Đào Thị H1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Vùng N, thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Bà Lưu Thị Thu H2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: thôn PB, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà chị Đào Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Đào Thị C) và anh Mai Lưu Chí Đ tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Thành theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 cấp ngày 24/02/2015. Sau khi kết hôn, anh Mai Lưu Chí Đ không lo làm ăn, không lo cho chị và con, không có trách nhiệm với gia đình, đi làm không đưa tiền cho chị phụ nuôi con; anh Đ còn nhậu nhẹt, cờ bạc đi tới sáng mới về, chỉ thích ở ngoài đường, không tôn trọng chị; chị và con bệnh nhập viện anh Đ cũng không quan tâm, chăm sóc; anh Đ cũng không qua lại, thăm hỏi phía gia đình chị. Xin được ly hôn với anh Mai Lưu Chí Đ. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh Đ mong anh Đ thay đổi nhưng chỉ nhận được sự vô cảm, vô tâm của anh Đ. Từ năm 2019 cho đến nay, chị một mình đi làm để lo cho chị và con. Chị và anh Đ thường xuyên mâu thuẫn, không thể hoà hợp, do đó chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Mai Chí Ph (sinh ngày 14/12/2015), hiện đang sống với chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị C xin rút lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu toà giải quyết.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, chị và anh Đ được cha mẹ chồng (ông Mai Tấn K, bà Lê Thị P) cho một khoảnh đất để xây dựng nhà ở riêng, chỉ nói bằng miệng. Sau khi chị và anh Đ xây dựng nhà xong thì chị nói cha mẹ chồng đưa số đồ để tách thửa thì cha mẹ chồng nói không, giá trị ngôi nhà chị và anh Đ bỏ tiền ra xây dựng là 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi chị nộp đơn xin ly hôn thì anh Đ cùng gia đình không đồng ý, anh Đ không đến toà để thương lượng giải quyết nên chị rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung, không yêu cầu toà án về tài sản chung.

- Về nợ chung: vay Ngân hàng A 30.000.000 đồng, chị đã trả 2.800.000 đồng, tính đến ngày 10/12/2021 như đại diện ngân hàng đã trình bày với số tiền nợ gốc 27.206.000 đồng; nợ chị Đào Thị H1 (em ruột chị C) 12,5 chỉ vàng 9999 và 20.000.000 đồng; nợ bà Lưu Thị Thu H2 (đi ruột anh Mai Lưu chí Đ) 4 chỉ vàng 9999; khoản nợ này dùng để xây dựng nhà và mua sắm vật dụng trong nhà. Tuy nhiên, vì anh Đ không đến Toà để thương lượng giải quyết và chị Đào Thị H1, bà Lưu Thị Thu H2 có đơn xin rút lại yêu cầu để tự thương

lượng giải quyết sau. Do đó, chị yêu cầu cả hai phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A, mỗi người một nửa.

*Bị đơn Mai Lưu Chí Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các quá trình giải quyết vụ án.*

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (có yêu cầu độc lập) trình bày: ông Mai Lưu Chí Đ và bà Đào Thị C đã vay của Agribank A số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 4607LAV202000217 ngày 21/02/2020, thời hạn 24 tháng. Tính đến ngày 14/4/2022, chị Đào Thị C và anh Mai Lưu Chí Đ nợ ngân hàng số tiền gốc 27.206.000đ, lãi 1.492.827 đồng, tổng số tiền là 28.698.827 đồng. Nay, chị C xin ly hôn với anh Đ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ mà chị C, anh Đ còn đang nợ ngân hàng theo quy định pháp luật.

- Bà Lưu Thị Thu H2 (có yêu cầu độc lập) trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng Đào Thị C và Lưu Mai Chí Đ có mượn tôi 04 chỉ vàng 9999 để xây dựng nhà, việc vay mượn không có giấy tờ gì. Tuy nhiên, anh Đ không đến tòa để thương lượng giải quyết nên bà Hà xin rút lại yêu cầu về việc đòi lại số vàng nói trên, để bà và chị C, anh Đ tự thương lượng giải quyết.

- Chị Đào Thị H1 (có yêu cầu độc lập) và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Tuyết Nh thống nhất trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng Đào Thị C và Lưu Mai Chí Đ có mượn Đào Thị H1 12,5 chỉ vàng 9999 và 20.000.000đ để xây dựng nhà. Nay, chị C xin ly hôn với anh Đ thì tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C, anh Đ phải trả 12,5 chỉ vàng 9999 và 20.000.000 đồng cho Đào Thị Hồng. Tuy nhiên, anh Đ không đến tòa để thương lượng giải quyết nên chị H1 xin rút lại yêu cầu về việc đòi lại số tiền, vàng nói trên, để chị H1 và chị C, anh Đ tự thương lượng giải quyết.

- Ông Mai Tấn K trình bày: Sau khi vợ chồng C-Đ kết hôn, vợ chồng ông có chỉ cho vợ chồng C-Đ thừa đất vườn để xây dựng nhà ra ở riêng. Vợ chồng ông chưa nói cho đất mà có nói cứ tạm ra ở riêng, khi nào vợ chồng C-Đ sống hạnh phúc và Đ thay ông thực hiện nghĩa vụ thờ cúng ông bà thì lúc đó vợ chồng ông mới đồng ý. Ngôi nhà cấp 4 là do vợ chồng Đào Thị C, Mai Lưu Chí Đ xây dựng. Vợ chồng ông không tranh chấp về ngôi nhà mà vợ chồng C-Đ xây dựng trên phần đất của ông, do đó vợ chồng ông không liên quan gì đến vụ án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ, chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; về nợ chung, chị yêu cầu anh Đ phải chịu ½ số nợ Ngân hàng; chị C thống nhất

theo đơn xin rút lại yêu cầu của chị H1, bà H2. Ngoài ra, chị C không yêu cầu vấn đề gì khác.

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Hồng và bà Hà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi lại khoản tiền vàng mà chị C, anh Đ đã mượn để xây dựng nhà.

- Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A đề nghị chị C và anh Đ phải trả số nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, về quan hệ hôn nhân cho chị Đào Thị C được ly hôn anh Mai Lưu Chí Đ; về con chung: giao Mai Chí Ph (sinh ngày 14/12/2015) cho chị C tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: chị C không yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chung: chấp nhận việc rút đơn của chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2 - đình chỉ giải quyết các yêu cầu của chị H1, bà H2; buộc anh Mai Lưu Chí Đ và chị Đào Thị C mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ cho Ngân hàng A. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: chị Đào Thị C (chị C) khởi kiện xin ly hôn anh Mai Lưu Chí Đ (anh Đ) và giải quyết các vấn đề về con chung, nợ chung. Anh Đ có thôn PL, xã HT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Chị C xin rút lại yêu cầu giải quyết phần tài sản chung đối với ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, chị C có quyền khởi kiện giải quyết về tài sản chung bằng vụ án khác. Chị C đồng ý việc rút lại yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2 nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2. Chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2 có quyền khởi kiện chị Đào Thị C và anh Mai Lưu Chí Đ về khoản nợ chung bằng vụ án khác.

[1.3] Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Thành theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 cấp ngày 24/02/2015, là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã rạn nứt trầm trọng, hai bên tự sống xa nhau một thời gian, chị C và anh Đ đã sống ly thân, chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống từ năm 2019 cho đến nay và chị C xin ly hôn nhưng anh Đ vẫn bỏ mặc không quan tâm, không níu kéo để được hàn gắn. Điều này phù hợp theo Biên bản xác minh ngày 30/12/2021 do Ủy ban nhân dân xã HT xác nhận. Như vậy, đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị C và anh Đ không hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau đúng như lời trình bày của chị C. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đào Thị C được ly hôn anh Mai Lưu Chí Đ, để đảm bảo cho các bên có cuộc sống riêng ổn định.

[2.2] Về con chung: chị C và anh Đ có 01 con chung tên Mai Chí Ph (sinh ngày 14/12/2015); chị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Mai Chí Phong từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, hiện nay chị C có đủ sức khỏe, có thu nhập ổn định và có khả năng lo cho con. Anh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết, không tranh chấp và không có ý kiến gì về quyền nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, tiếp tục giao cháu Mai Chí Ph cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý, cũng như thể chất cho cháu.

[2.3] Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con; anh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết và anh Đ không có ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Anh Đ, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: theo hợp đồng tín dụng số: 4607LAV202000217 ngày 21/02/2020, ông Mai Lưu Chí Đ và bà Đào Thị C đã cùng ký vay của Ngân hàng A số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng. Tính đến ngày 14/4/2022, chị Đào Thị C và anh Mai Lưu Chí Đ nợ ngân hàng số tiền gốc 27.206.000 đồng, lãi 1.492.827 đồng, tổng số tiền là 28.698.827 đồng. Đây là

khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, được chị C thừa nhận, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị C và anh Đ phải có trách nhiệm trả số tiền 28.698.827 đồng cho Ngân hàng A, tương ứng nghĩa vụ mỗi người phải trả 14.349.414 đồng.

[3] Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Chị C và anh Đ phải mỗi người phải chịu 717.500 đồng (14.349.414 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ phải trả.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Đào Thị H2, bà Lưu Thị H2 và Ngân hàng A.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 217, 218, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị C được ly hôn anh Mai Lưu Chí Đ.

2. Về con chung: giao cháu Mai Chí Ph (sinh ngày 14/12/2015) cho chị Đào Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.1. Anh Mai Lưu Chí Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Chị Đào Thị C và anh Mai Lưu Chí Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc anh Mai Lưu Chí Đ và chị Đào Thị C mỗi người phải trả cho Ngân hàng A số tiền 14.349.414đ (*Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng*).

5. Kể từ ngày có đơn thi hành án nếu không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất trên khoản tiền tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã giao kết.

6. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị Đào Thị C, anh Mai Lưu Chí Đ. Chị Đào Thị H1 và bà Lưu Thị Thu H2 có quyền khởi kiện chị Đào Thị C, anh Mai Lưu Chí Đ về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” bằng vụ án khác.

7. Về án phí:

7.1. Chị Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 717.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ phải trả Ngân hàng, tổng cộng 1.017.500 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001597 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, nên còn phải nộp 717.500đ (*Bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*).

7.2. Anh Mai Lưu Chí Đ phải chịu 717.500đ (*Bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ phải trả Ngân hàng.

7.3. Hoàn trả cho Ngân hàng A 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tiền số 0001647 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

7.4. Hoàn trả cho bà Lưu Thị Thu H2 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tiền số 0001648 ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

7.5. Hoàn trả cho chị Đào Thị H1 1.800.000đ (*Một triệu tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tiền số 0001660 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

**8.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã HT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Duyên**